TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 30 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh An;

2. Ông Đặng Văn Vững;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2024/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXX - ST, ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1998;

Cư trú tại: Ấp T1, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Trần Quốc T2 tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T2 thường xuyên tham gia cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc con. Vì con, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T2 không thay đổi. Hiện tại, bà và ông T2 đã sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc T2.

Về con chung: Bà và ông T2 có 01 người con tên Trần Ngọc Ái V, sinh ngày 05/01/2023. Hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ông T2 đang làm

công nhân tại Khu công nghiệp K, lương cơ bản mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng, nếu có tăng ca thì lương cao hơn, bà cũng làm công nhân, lương mỗi tháng gần 7.000.000 đồng, bà bảo đảm đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T2 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Quốc T2 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T2 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Trần Quốc T2 có nơi cư trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Quốc T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T trình bày, trong quá trình chung sống, bà T và ông T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn. Hiện tại, bà T và ông T2 không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông T2 vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông T2 cũng không có bất kỳ hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Qua đó, xác định ông T2 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa bà T và ông T2 không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Trần Quốc T2.

[2.2] Quan hệ con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T2 có 01 người con chung tên Trần Ngọc Ái V, sinh ngày 05/01/2023. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng, cho đến thời điểm hiện tại, ông T2 vẫn không

có phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà T. Đồng thời, từ khi bà T và ông T2 không sống chung thì con sống với bà T, được bà T chăm sóc tốt. Hơn nữa, hiện con vẫn còn dưới 36 tháng tuổi. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung tên Trần Ngọc Ái V, sinh ngày 05/01/2023 cho bà T trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T2 không phản hồi đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do bà T và ông T2 không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án sẽ quyết định mức cấp dưỡng và mức cấp dưỡng này không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi ông T2 đang cư trú cho mỗi tháng cấp dưỡng. Hiện, ông T2 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An, căn cứ theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì huyện C, tỉnh Long An thuộc vùng I, mức lương tối thiểu hàng tháng là 4.960.000 đồng. Vậy nên, mức cấp dưỡng tối thiểu theo quy định của pháp luật là 2.480.000 đồng mỗi tháng. Tuy nhiên, do bà T tự nguyện chỉ yêu cầu mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng mỗi tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T2 cấp dưỡng cho con chung tên Trần Ngọc Ái V, sinh ngày 05/01/2023, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tính từ ngày 30/8/2024 cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định bà và ông T2 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T2 vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Trần Quốc T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; điểm a Khoản 5 Điều 27, điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Trần Quốc T2.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Quốc T2.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao bà Nguyễn Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Ngọc Ái V, sinh ngày 05/01/2023. Buộc ông Trần Quốc T2 cấp dưỡng cho con chung tên Trần Ngọc Ái V, sinh ngày 05/01/2023, mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ ngày 30/8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà T, ông T2 có nghĩa vụ trông nom chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chưa thành niên. Ông T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở. Trong trường hợp ông T2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T2.

Trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật, thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013116 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

Buộc ông Trần Quốc T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Trần Quốc T2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương